TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2006, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó thì không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông T thường xuyên uống rượu, cờ bạc, dẫn đến nợ nần, bà L đã nhiều lần trả nợ thay cho ông T. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà L xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung Nguyễn Bảo Yến L1, sinh ngày 12/11/2006 và Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 01/5/2012. Khi ly hôn bà L xin tôn trọng quyền quyết định của các con chung, con ở cùng với ai thì người đó nuôi. Con chung Yến L1 có nguyện vọng được sống cùng với ông T, con chung Bích T1 có nguyện vọng sống cùng với bà L thì bà L đồng ý, mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn ông T thống nhất với lời trình bày của bà L, về nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L trình bày là ông T có nhậu nhẹt, có cờ bạc nhưng chỉ thỉnh thoảng, không phải thường xuyên, theo ông Tài nguyên n dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là về vấn đề kinh tế, do hiện nay ông T bị bệnh, không làm việc, không có thu nhập. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được nên ông T không đồng ý theo yêu cầu của bà L, ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung Nguyễn Bảo Yến L1, sinh ngày 12/11/2006 và Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 01/5/2012. Khi ly hôn ông T xin tôn trọng quyền quyết định của các con chung, con ở cùng với ai thì người đó nuôi. Con chung Yến L1 có nguyện vọng được sống cùng với ông T, con chung Bích T1 có nguyện vọng sống cùng với bà L thì ông T đồng ý, mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, bà L kiên quyết xin ly hôn, ông T thừa nhận gia đình có mâu thuẫn nhưng có thể hàn gắn đoàn tụ được nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ông T không có biện pháp nào để xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Nguyễn Văn T; về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Bảo Yến L1, sinh ngày 12/11/2006 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L và ông T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Trần Thị L và bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 29/3/2006 theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông T cho rằng mâu thuẫn gia đình chưa đến mức trầm trọng có thể hàn gắn đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

[4] Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú thì mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn địa phương không nắm rõ do đương sự giải quyết nội bộ với nhau và không yêu cầu địa phương giải quyết. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Trần Thị L và bị đơn ông Nguyễn Văn T đã trầm trọng. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để xây dựng gia đình hạnh phúc, nếu Tòa án không đồng ý cho ly hôn thì bà L cũng không đồng ý quay về sống chung với ông T. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Bảo Yến L1, sinh ngày 12/11/2006 và Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 01/5/2012. Con chung Nguyễn Bảo Yến L1 có nguyện vọng được sống cùng với ông T, con chung Nguyễn Thị Bích T1 có nguyện vọng được sống cùng với bà L. Bà L và ông T đều thống nhất theo nguyện vọng của con chung, con theo ai thì người ấy nuôi nên HĐXX ghi nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc "Tranh chấp ly hôn".

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Bảo Yến L1, sinh ngày 12/11/2006 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L và ông T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L2. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2021/0005195 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Khoa